

Số: 46/NQ-HĐND

Thành phố Cao Bằng, ngày 23 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thành phố Cao Bằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG
KHOÁ XXII - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 –2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của HĐND thành phố Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cao Bằng;

Xét Tờ trình số 378/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thành phố Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân

thành phố; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thành phố Cao Bằng, như sau:

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 là 83.856 triệu đồng, bao gồm các nguồn vốn:

- Vốn ngân sách địa phương: 57.645 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn cân đối ngân sách địa phương thành phố bố trí: 7.645 triệu đồng.
 - + Vốn ngân sách địa phương tỉnh bố trí: 50.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 22.711 triệu đồng, trong đó:
 - + Tỉnh bố trí: 250 triệu đồng.
 - + Thành phố bố trí: 22.461 triệu đồng.
- Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật: 3.500 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết như phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, căn cứ mức vốn được giao, xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 của địa phương mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.
2. Chỉ đạo các đơn vị, các chủ đầu tư triển khai thực hiện thủ tục đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
3. Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn của các dự án do thành phố bố trí vốn theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban nhân dân các xã, phường điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn của các dự án do xã, phường bố trí vốn theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Bằng khoá XXII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh Cao Bằng;
- UBND tỉnh Cao Bằng
- Các sở: Tài chính, Tư pháp, KH&ĐT;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQ thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các đơn vị, phòng, ban, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TCKH.



CHỦ TỊCH

Tô Vũ Ninh



PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 THÀNH PHỐ CAO BẰNG
 (Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của HĐND thành phố Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Kế hoạch đầu tư trong các đối NSDP đã giao và dự kiến giao			Kế hoạch năm 2022				Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong các đối NSDP	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Còn lại vốn NSDP bổ trợ năm 2023 - 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn CD NSDP				
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP							Tổng số	Trong đó			
															Thu hồi các khoản vốn tạm trữ		Thanh toán nợ XDCB	
1	TỔNG SỐ																	
A	Vốn ngân sách địa phương																	
A1	Vốn cân đối ngân sách địa phương thành phố bổ trợ																	
1	Các hoạt động kinh tế																	
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
1.1	Đồ án quy hoạch phân khu phường Đê Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Đê Thám		2022-2024	QĐ số 1857/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000			1.685,000	1.315,000	1.685,000	1.685,000			
1.2	Đồ án quy hoạch chi tiết Quận thể di tích chùa Viên Minh, dân Quan Triều, xã Hùng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/500	Xã Hùng Đạo		2022	QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	500,000	500,000	500,000	500,000			500,000		500,000	500,000			
2	Quốc phòng																	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
2.1	Công trình dẫn tập phông thủ thành phố Cao Bằng (giai đoạn 2)																	TMDT 7.000, nguồn NSDP: 5.245.310 tr.d, nguồn đất: 1.745.690 tr.d (Bổ sung dự án giai đoạn 2)
3	Xã hội																	
3.1	Vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ	TPCB						960,000	960,000			960,000		960,000	960,000			
3.1.1	Phường Hợp Giang							80,000	80,000			80,000		80,000	80,000			
3.1.2	Phường Sông Bằng							180,000	180,000			180,000		180,000	180,000			
3.1.3	Phường Đê Thám							360,000	360,000			360,000		360,000	360,000			
3.1.4	Phường Hoà Chung							180,000	180,000			180,000		180,000	180,000			
3.1.5	Xã Hùng Đạo							120,000	120,000			120,000		120,000	120,000			
3.1.6	Xã Vinh Quang							40,000	40,000			40,000		40,000	40,000			
A2	Vốn ngân sách địa phương tỉnh bổ trợ							50.000,000	50.000,000			50.000,000		50.000,000	50.000,000			
1	Các hoạt động kinh tế							50.000,000	50.000,000			50.000,000		50.000,000	50.000,000			
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
1.1	Sửa chữa đường giao thông liên xã phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng - xã Hà Trì, huyện Hoà An	Phường Sông Bằng		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000			3.000,000		3.000,000	3.000,000			
1.2	Sửa chữa đường giao thông tổ 10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng	Phường Sông Bằng		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000			3.000,000		3.000,000	3.000,000			
1.3	Sửa chữa đường giao thông từ tổ 10 đến tổ 11, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng	Phường Sông Bằng		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000			3.000,000		3.000,000	3.000,000			
1.4	Sửa chữa vỉa hè tuyến đường 3-10 thuộc tổ 6, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng	Phường Sông Bằng		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000			3.000,000		3.000,000	3.000,000			
1.5	Sửa chữa vỉa hè tuyến đường 3-10 từ tổ 9 đến tổ 11, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng	Phường Sông Bằng		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000			3.000,000		3.000,000	3.000,000			
1.6	Sửa chữa đường giao thông khu Tái định cư 2, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	Phường Sông Hiến		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000			3.000,000		3.000,000	3.000,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Kế hoạch đầu tư trong các năm NSDP đã giao và dự kiến giao			Kế hoạch năm 2022				Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong các năm NSDP	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Còn lại vốn NSDP bố trí năm 2023 - 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn CD NSDP			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP							Tổng số	Trong đó		
															Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
1.7	Sửa chữa đường giao thông xóm 8, xã Vinh Quang, thành phố Cao Bằng	Xã Vinh Quang		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.8	Sửa chữa đường giao thông tổ 9 phường Ngọc Xuân nối đường Pắc Bò, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	Phường Ngọc Xuân		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.9	Sửa chữa đường giao thông tổ 9 nối Quốc lộ 3, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng	Phường Ngọc Xuân		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.10	Sửa chữa hạ lưu cống thoát nước tổ 9, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng	Phường Ngọc Xuân		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.11	Sửa chữa vỉa hè tuyến phố Cù, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.12	Sửa chữa vỉa hè tuyến phố Vườn Cầm, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.13	Sửa chữa vỉa hè tuyến phố Lý Tự Trọng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.14	Sửa chữa vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Phai Khát - Nà Ngân thuộc tổ 10, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	Phường Sông Hiến		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.15	Sửa chữa vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Phai Khát - Nà Ngân thuộc tổ 12, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	Phường Sông Hiến		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.16	Sửa chữa đường Nà Hoàng, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng	Phường Hoà Chung		2022 - 2024		3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000					
1.17	Cải tạo sửa chữa vỉa hè, hệ thống thoát nước tuyến phố Hồng Việt, phố Nguyễn Du, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2022 - 2024		2.000,000	2.000,000	2.000,000	2.000,000		2.000,000	2.000,000					
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					130.709,090	10.396,000	88.258,445	88.258,445	9.719,492	22.711,000	55.827,953	22.711,000	22.711,000	-	-	
I	Tính bổ trí					-	-	1.000,000	1.000,000	-	250,000	750,000	250,000	250,000	-	-	
I	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn xây dựng nông thôn mới							1.000,000	1.000,000	-	250,000	750,000	250,000	250,000	-	-	
1.1	Xã Chu Trinh	Xã Chu Trinh						330,000	330,000		80,000	250,000	80,000	80,000			
1.2	Xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo						330,000	330,000		80,000	250,000	80,000	80,000			
1.3	Xã Vinh Quang	Xã Vinh Quang						340,000	340,000		90,000	250,000	90,000	90,000			
II	Thành phố bổ trí					130.709,090	10.396,000	87.258,445	87.258,445	9.719,492	22.461,000	55.077,953	22.461,000	22.461,000	-	-	
1	Trả nợ dự án ODA, nợ các công trình hoàn thành và bổ trí vốn đối ứng thực hiện dự án ODA					0,000	0,000	8.752,150	8.752,150	2.634,386	1.514,002	4.603,762	1.514,002	1.514,002			
1.1	Chương trình đô thị miền núi phía bắc thành phố Cao Bằng							8.752,150	8.752,150	2.634,386	1.514,002	4.603,762	1.514,002	1.514,002			
1.1.1	Gốc + lãi vay							8.752,150	8.752,150	2.634,386	1.514,002	4.603,762	1.514,002	1.514,002			
2	Hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương							27.254,833	27.254,833	5.254,833	5.500,000	16.500,000	5.500,000	5.500,000			
2.1	Phường Hợp Giang	Phường Hợp Giang						2.254,833	2.254,833	254,833	500,000	1.500,000	500,000	500,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Kế hoạch đầu tư trong căn cứ NSDP đã giao và dự kiến giao			Kế hoạch năm 2022			Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong căn cứ NSDP	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Còn lại vốn NSDP bố trí năm 2023 - 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn CD NSDP			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP							Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
2.2	Phường Sông Bằng	Phường Sông Bằng					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.3	Phường Sông Hiến	Phường Sông Hiến					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.4	Phường Tân Giang	Phường Tân Giang					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.5	Phường Ngọc Xuân	Phường Ngọc Xuân					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.6	Phường Dê Thám	Phường Dê Thám					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.7	Phường Duyệt Trung	Phường Duyệt Trung					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.8	Phường Hòa Chung	Phường Hòa Chung					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.9	Xã Chu Trinh	Xã Chu Trinh					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.10	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
2.11	Xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo					2.500,000	2.500,000	500,000	500,000	1.500,000	500,000	500,000				
3	Kinh phí thực hiện các đề án của thành phố	TPCB					20.000,000	20.000,000	614,000	2.000,000	17.386,000	2.000,000	2.000,000	-	-		
3.1	Kinh phí xây dựng đề án cơ chế đặc thù, vượt trội để thành phố Cao Bằng trở thành thành phố du lịch, văn minh, hiện đại						300,000	300,000		300,000		300,000	300,000				
3.2	Kinh phí thực hiện các đề án của thành phố						19.700,000	19.700,000	614,000	1.700,000	17.386,000	1.700,000	1.700,000		Kế hoạch năm 2022 sẽ phân bổ chi tiết theo tiến độ, nhiệm vụ theo đề án được duyệt		
4	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						43.813,090	-	11.724,551	11.724,551	1.216,273	5.708,278	4.800,000	5.708,278	-	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																
4.1	Trụ sở, văn phòng giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp Thành phố	Phường Dê Thám		2020 - 2022	QĐ số 2686/QĐ-UBND ngày 16/8/2019		4.924,551	4.924,551	1.216,273	2.208,278	1.500,000	2.208,278	2.208,278	2.208,278	Tổng mức đầu tư điều chỉnh 7.000 trđ (Trong đó bố trí năm 2021: 3.291,722 trđ; Nguồn NSDP 2.075,449 trđ; Nguồn SDD 4.924,551 tr.đ)		
	<i>Dự án khởi công mới</i>																
4.2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2022 - 2024	2011/QĐ-UBND ngày 27/10/2021		10.547,000	1.000,000	1.000,000		1.000,000	0,000	1.000,000	1.000,000			
4.3	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Dê Thám, thành phố Cao Bằng	Phường Dê Thám		2022 - 2024	2199/QĐ-UBND ngày 19/11/2021		14.467,000	1.000,000	1.000,000		1.000,000	0,000	1.000,000	1.000,000			
4.4	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng	Phường Ngọc Xuân		2022 - 2024			14.999,000	1.000,000	1.000,000		200,000	800,000	200,000	200,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GP GD 2021-2025		Kế hoạch đầu tư trong các đối NSDP đã giao và dự kiến giao			Kế hoạch năm 2022				Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong các đối NSDP	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Còn lại vốn NSDP bố trí năm 2023 - 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn CD NSDP			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP							Tổng số	Trong đó		
															Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
4.5	Mở rộng, cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế thành phố	Phường Sông Bằng		2022 - 2024	QĐ số 1955/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	300,000	300,000	300,000	300,000	0,000	300,000	300,000					
4.6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2022 - 2024		3.500,000	3.500,000	3.500,000		1.000,000	2.500,000	1.000,000	1.000,000				
5	Các hoạt động kinh tế					60.396,000	10.396,000	13.026,911	13.026,911	-	6.238,720	6.788,191	6.238,720	6.238,720	-	-	
	Dự án khởi công mới																
5.1	Xây dựng điện chiếu sáng ngõ xóm năm 2022			2022 - 2023	QĐ số 1852/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000		1.000,000	1.000,000	1.000,000				
	Dự án chuyển tiếp																
5.2	Mở rộng đường trên công ngầm thuộc tổ 25 phường Sông Hiến			2020 - 2022	QĐ số 2685/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	2.396,000	2.396,000	826,911	826,911		826,911	826,911	826,911	826,911		TMDT 2.396; trong đó năm 2021 bố trí nguồn NSDP 1.569.551 trđ; nguồn sử dụng đất năm 2022: 826.911 trđ; đủ vốn theo TMDT	
5.3	GPMB "xử lý diêm đen, diêm tiêu ẩn tại nồn giao thông" tại khu vực lý trình Km272+700 - Đường Quốc lộ 3 thuộc địa phận thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	TPCB		2020 - 2022	QĐ số 2875/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000		2.500,000	500,000	2.500,000	2.500,000		Giảm kế hoạch vốn năm 2021, bố trí lại vào năm 2022	
5.4	Đường vào khu khai thác, chế biến vật liệu xây dựng tập trung của Thành phố Cao Bằng			2021 - 2022	QĐ 2489/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	50.000		4.200,000	4.200,000		741,000	3.459,000	741,000	741,000			
5.5	Xây dựng phố hoa thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Phường Sông Hiến		2121 - 2023	QĐ số 1957/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	4.000,000	4.000,000	4.000,000	4.000,000		1.170,809	2.829,191	1.170,809	1.170,809			
6	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật:					22.000,000	-	2.000,000	2.000,000		500,000	1.500,000	500,000	500,000			
	Dự án chuyển tiếp																
6.1	Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Phường Hoà Chung			QĐ số 456/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	22.000,000		2.000,000	2.000,000		500,000	1.500,000	500,000	500,000			
7	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					4.500,000	-	4.500,000	4.500,000		1.000,000	3.500,000	1.000,000	1.000,000	-	-	
	Dự án khởi công mới																
7.1	Mầm non 3/10, thành phố Cao Bằng. Hạng mục: Nhà 04 lớp học	Phường Hợp Giang		2022 - 2024	QĐ số 851/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	4.500,000		4.500,000	4.500,000		1.000,000	3.500,000	1.000,000	1.000,000			
C	Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					4.500,000	-	4.500,000	4.500,000		3.500,000	1.000,000	3.500,000	3.500,000	-	-	
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					4.500,000	-	4.500,000	4.500,000		3.500,000	1.000,000	3.500,000	3.500,000	-	-	
	Dự án khởi công mới																
1.1	Xây mới khu nhà 04 lớp học trường Mầm non Nam Phong thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2022 - 2023		3.000,000		3.000,000	3.000,000		2.000,000	1.000,000	2.000,000	2.000,000		nguồn thu học phí Mầm non	
1.2	Cải tạo sửa chữa khu nhà lớp học trường THCS Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2022 - 2023		1.500,000		1.500,000	1.500,000		1.500,000		1.500,000	1.500,000		Kinh phí từ nguồn thu học phí THCS	